

PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ DDCI TỈNH KHÁNH HÒA 2025

(Nhóm Ủy ban nhân dân xã, phường)

(Đính kèm Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)



STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	ĐIỂM
1	UBND xã Suối Hiệp	87,69
2	UBND xã Công Hải	87,32
3	UBND xã Đại Lãnh	87,23
4	UBND xã Anh Dũng	84,85
5	UBND xã Cam An	84,29
6	UBND xã Diên Điền	84,17
7	UBND xã Bắc Ninh Hòa	83,43
8	UBND xã Thuận Bắc	82,04
9	UBND phường Đông Ninh Hòa	81,18
10	UBND phường Hòa Thắng	76,52
11	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	76,43
12	UBND phường Nha Trang	75,78
13	UBND xã Suối Dầu	74,96
14	UBND phường Ninh Hòa	74,74
15	UBND xã Mỹ Sơn	74,63
16	UBND xã Khánh Vĩnh	74,62
17	UBND xã Bắc Ái Tây	74,46
18	UBND phường Phan Rang	74,34
19	UBND xã Cam Hiệp	74,09
20	UBND xã Bắc Ái Đông	73,65
21	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	73,18
22	UBND xã Bắc Ái	73,16
23	UBND phường Nam Nha Trang	73,02
24	UBND xã Diên Khánh	72,35
25	UBND phường Đô Vinh	72,30
26	UBND xã Tân Định	72,08
27	UBND phường Đông Hải	72,00
28	UBND xã Ninh Sơn	71,84
29	UBND xã Tây Ninh Hòa	71,80

30	UBND xã Nam Ninh Hòa	71,58
31	UBND phường Tây Nha Trang	71,52
32	UBND xã Lâm Sơn	71,51
33	UBND xã Diên Lâm	71,21
34	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	70,74
35	UBND xã Tu Bông	70,59
36	UBND phường Bảo An	70,19
37	UBND xã Hòa Trí	70,05
38	UBND phường Ba Ngòi	69,84
39	UBND phường Cam Linh	69,84
40	UBND xã Vạn Ninh	69,83
41	UBND phường Ninh Chữ	69,78
42	UBND xã Vĩnh Hải	69,64
43	UBND phường Cam Ranh	69,31
44	UBND xã Đông Khánh Sơn	69,30
45	UBND xã Xuân Hải	69,15
46	UBND xã Phước Hữu	69,10
47	UBND xã Tây Khánh Sơn	68,96
48	UBND xã Nam Cam Ranh	68,22
49	UBND xã Phước Dinh	68,13
50	UBND xã Diên Thọ	67,84
51	UBND xã Cam Lâm	67,79
52	UBND xã Khánh Sơn	67,25
53	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	66,85
54	UBND xã Diên Lạc	66,65
55	UBND phường Bắc Cam Ranh	66,62
56	UBND xã Vạn Hưng	66,58
57	UBND xã Ninh Hải	66,28
58	UBND xã Ninh Phước	65,49
59	UBND xã Vạn Thắng	64,72
60	UBND xã Thuận Nam	64,71
61	UBND phường Bắc Nha Trang	63,53
62	UBND xã Cà Ná	60,80
63	UBND xã Phước Hà	60,58
64	UBND xã Phước Hậu	58,45

Has